TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **101**/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 29 - 9 -2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương và bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 154/2023/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2023/QĐXX - ST ngày 20 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Hoàng Thị M, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: anh Đỗ Nghĩa H, sinh năm 1980. Nơi đăng ký thường trú: Khu 7, phường Q, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh. Nơi tạm trú: Đội 4, thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2023 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày: Tôi và anh Đỗ Nghĩa H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Theo giấy đăng ký kết hôn số 105/2019. Chung tôi không có tiếng nói chung, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chúng tôi đã sống ly thân ngay từ ngày đầu kết hôn năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ. Nay tôi thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tôi cảm thấy không thể kéo dài hôn nhân thêm được nữa. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đỗ Nghĩa H.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung, họ tên là Đỗ Hoàng T, sinh ngày 22/3/2020. Từ khi tôi với anh H sống ly thân đến nay tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lời khai, bị đơn anh Đỗ Nghĩa H trình bày: Tôi và chị Hoàng Thị M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Theo giấy đăng ký kết hôn số 105/2019, ngày 23/8/2019. Chung tôi không có tiếng nói chung, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chúng tôi đã sống ly thân ngay từ ngày đầu kết hôn năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ. Chị M yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý. Tôi đồng giải quyết, xét xử vụ án ly hôn giữa tôi và Chị M tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung, họ tên là Đỗ Hoàng T, sinh ngày 22/3/2020. Tôi đồng ý giao cháu T cho Chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn Chị M và bị đơn anh H vắng mặt có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Nghĩa H có nơi đăng ký thường trú: Khu 7, phường Q, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh; nơi tạm trú: Đội 4, thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Bị đơn anh H đồng ý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện ly hôn của Chị M tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị M yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Nghĩa H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị M và anh H tự nguyên chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng anh chị không có sự hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất

đồng quan điểm sống, Chị M và anh H đã sống ly thân thời gian dài ngay từ những ngày đầu chung sống cho đến nay, phía bị đơn anh H cũng thừa nhận sự việc này. Trong thời gian sống ly thân Chị M và anh H không có sự chăm sóc, chia sẻ cho nhau, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, Chị M và anh H đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa Chị M và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay Chị M yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Chị M là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có 01 người con chung, họ tên là Đỗ Hoàng T, sinh ngày 22/3/2020. Sau khi ly hôn, Chị M và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu T. Vì vậy, cần giao các Đỗ Hoàng T, sinh ngày 22/3/2020 cho anh Đỗ Nghĩa H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Không có. Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35;Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị M. Chị Hoàng Thị M được ly hôn với anh Đỗ Nghĩa H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105/2019, ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng T, sinh ngày 22/3/2020 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn

chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản và nợ: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Hoàng Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001160, ngày 16/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà